tập trung vốn cho các công trình phải hoàn thành trong năm 1998. Để tạo thuận lợi cho công tác thi công, Bộ Tài chính tạm ứng trước vốn cho các công trình; kiên quyết lùi và dãn tiến độ các công trình chưa cần thiết.

Xây dựng đề án phát huy nội lực của từng ngành, từng địa phương, tìm mọi giải pháp động viên nhân dân hăng hái bỏ sức, bỏ vốn vào sản xuất, kinh doanh, yên tâm gửi tiền vào ngân hàng. Nghiên cứu cơ chế, chính sách huy động vốn trong nước, bảo đảm vốn đầu tư trong nước đạt 50% tổng vốn đầu tư trong kế hoạch 5 năm 1996 - 2000.

5. Tiếp tục chấn chỉnh, củng cố và nâng cao chất lượng của hệ thống ngân hàng, quản lý chặt chẽ ngoại hối và tỷ giá ngoại tệ; đẩy mạnh thu và tiết kiệm chi theo dự toán ngân sách. Tập trung đẩy mạnh công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại, bảo vệ hợp lý và có hiệu quả sản xuất trong nước.

6. Triển khai các chương trình và kế hoạch cải cách hành chính, xây dựng các quy trình cụ thể của Bộ, ngành và địa phương để thực hiện Quy chế làm việc của Chính phủ.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 14/1998/NĐ-CP ngày 6-3-1998 về quản lý tài sản nhà nước.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để thống nhất quản lý và bảo đảm sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và tiết kiệm tài sản nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.-

1. Tài sản nhà nước là những tài sản được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật, đất đai, rừng, núi, sông, hồ, nguồn nước, tài nguyên trong lòng đất, nguồn lợi ở vùng biển, thềm lục địa và vùng trời.

2. Tài sản thuộc sở hữu toàn dân mà Nhà nước đã chuyển giao quyền sở hữu cho tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội là tài sản thuộc sở hữu của tổ chức đó.

Điều 2.- Tài sản nhà nước bao gồm:

1. Tài sản nhà nước khu vực hành chính sự nghiệp là những tài sản Nhà nước giao cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp quản lý và sử dụng gồm:

a) Đất đai;

b) Nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất đai;

c) Các tài sản khác gắn liền với đất đai;

d) Các phương tiện giao thông vận tải, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác.

2. Tài sản thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia bao gồm:

a) Hệ thống các công trình giao thông vận tải;

b) Hệ thống các công trình thủy lợi;

c) Hệ thống chiếu sáng, cấp thoát nước;

d) Các công trình văn hóa;

đ) Các công trình kết cấu hạ tầng khác.

3. Tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

4. Tài sản được xác lập sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm pháp luật bị tịch thu sung quỹ nhà nước và tiền phạt do vi phạm pháp luật;

b) Tài sản bị chôn giấu, chìm đắm được tìm thấy; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, vắng chủ, vô chủ và các tài sản khác theo quy định của pháp luật là tài sản nhà nước;

c) Tài sản do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước biếu, tặng, đóng góp và các hình thức chuyển giao quyền sở hữu tài sản khác cho Nhà nước, tài sản viện trợ của Chính phủ, tổ chức phi Chính phủ nước ngoài và các tổ chức quốc tế khác.

5. Tài sản dự trữ nhà nước.

6. Đất đai, rừng, núi, sông, hồ, nguồn nước, tài nguyên trong lòng đất, nguồn lợi ở vùng biển, thềm lục địa và vùng trời (sau đây gọi chung là đất đai, tài nguyên thiên nhiên khác).

Điều 3.-

1. Phạm vi quản lý tài sản nhà nước theo Nghị định này được quy định như sau:

a) Đối với tài sản nhà nước khu vực hành chính sự nghiệp và tài sản được xác lập sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật thì thực hiện chế độ đăng ký, báo cáo tài sản; quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, tiếp nhận tài sản; chế độ quản lý, sử dụng và xử lý tài sản;

b) Đối với tài sản dự trữ nhà nước thì thực hiện chế độ báo cáo tài sản và chế độ quản lý tài chính trong quá trình mua vào, bán ra và quản lý vốn ngân sách nhà nước cho dự trữ tài sản. Việc quản lý tài sản dự trữ bằng hiện vật thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ;

c) Đối với tài sản nhà nước thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia, đất đai và tài nguyên thiên nhiên khác thì thực hiện chế độ báo cáo tài sản, chế độ quản lý tài chính trong quá trình điều tra, quy hoạch, tìm kiếm, đo đạc, xác định tài sản và chế độ quản lý tài chính trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa, tôn tạo, khai thác, sử dụng tài sản.

2. Đối với tài sản nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp thì thực hiện quản lý theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Đối với tài sản thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng thực hiện việc quản lý theo quy định riêng của Chính phủ.

Đối với nhà ở thuộc sở hữu nhà nước thực hiện việc quản lý theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Điều 4.- Tài sản nhà nước được kiểm tra, kiểm kê, đăng ký, theo dõi về hiện vật và giá trị theo quy định của pháp luật.

Điều 5.-

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là cấp Bộ), Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có trách nhiệm quản lý, kiểm tra việc sử dụng tài sản nhà nước tại ngành mình, địa phương mình theo quy định của Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ quan nhà nước khác ở Trung ương; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở Trung ương (sau đây gọi chung là các tổ chức ở Trung ương) có trách nhiệm quản lý, kiểm tra việc sử dụng tài sản nhà nước tại tổ chức mình theo quy định của pháp luật.

Điều 6.- Các đơn vị, cá nhân được giao trực tiếp quản lý và sử dụng tài sản nhà nước có trách nhiệm:

1. Quản lý và sử dụng tài sản nhà nước theo đúng quy định của Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

2. Lập và thực hiện kế hoạch xây dựng, mua sắm, sửa chữa, cải tạo, thanh lý tài sản nhà nước giao cho đơn vị theo đúng quy định của Nhà nước. Sử dụng tài sản nhà nước đúng mục đích, chế độ, tiêu chuẩn, định mức;

3. Bảo vệ, giữ gìn tài sản nhà nước.

Điều 7.- Nghiêm cấm việc sử dụng tài sản nhà nước không đúng mục đích, chế độ, tiêu chuẩn, định mức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Chương II

QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Mục I. QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC KHU VỰC HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

Điều 8.-

1. Tài sản nhà nước trong khu vực hành chính sự nghiệp phải được sử dụng đúng mục đích, chế

độ, tiêu chuẩn, định mức; không được sử dụng vào mục đích cá nhân, kinh doanh và các mục đích khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô-tô, nhà làm việc và công trình xây dựng khác trong khu vực hành chính sự nghiệp.

Điều 9.- Cơ quan trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước có trách nhiệm:

1. Đăng ký tài sản với cơ quan tài chính nhà nước có thẩm quyền:

a) Tài sản phải đăng ký gồm: nhà, đất đai và các công trình xây dựng khác gắn liền với đất đai, các phương tiện vận tải và các tài sản khác có giá trị lớn;

b) Nội dung đăng ký gồm: tên, đặc điểm, ký hiệu tài sản, diện tích (nhà, đất), đặc điểm kỹ thuật, giá trị, mục đích sử dụng, thời gian bắt đầu đưa vào sử dụng;

c) Đối với tài sản nhà nước được quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này thì cơ quan trực tiếp sử dụng tài sản phải làm thủ tục đăng ký theo quy định của Bộ Tài chính ngay sau khi hoàn thành việc mua sắm hoặc sau khi hoàn tất thủ tục tiếp nhận tài sản nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc công trình xây dựng được quyết toán bàn giao đưa vào sử dụng.

2. Mở sổ sách theo dõi cả về hiện vật và giá trị đối với mọi tài sản nhà nước.

3. Báo cáo định kỳ hàng năm và báo cáo đột xuất về tài sản nhà nước theo quy định sau đây:

a) Đối với cơ quan trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc Trung ương quản lý thì báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ; các cơ quan nhà nước khác và tổ chức ở Trung ương tổng hợp báo cáo tài sản nhà nước của Bộ, cơ quan, đơn vị mình với Bộ Tài chính;

b) Đối với cơ quan trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc địa phương thì báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để các Sở, Ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban Nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) tổng hợp báo cáo tài sản của cơ quan, đơn vị mình với Sở Tài chính - Vật giá. Sở Tài chính - Vật giá tổng hợp báo cáo tài sản do địa phương quản lý với Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh và đồng gửi báo cáo Bộ Tài chính;

c) Bộ Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, phân tích và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình quản lý và sử dụng tài sản nhà nước khu vực hành chính sự nghiệp trong phạm vi cả nước.

Điều 10.- Đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng khác và tài sản gắn liền với đất đai khu vực hành chính sự nghiệp được thực hiện như sau:

1. Hàng năm, các đơn vị thụ hưởng ngân sách nhà nước lập báo cáo với ngành chủ quản cấp trên về nhu cầu xây dựng mới hoặc xây dựng thêm nhà, công trình xây dựng khác và tài sản gắn liền với đất đai để:

a) Các Bộ, cơ quan, tổ chức ở Trung ương tổng hợp báo cáo với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Sở, Ban, cơ quan ở địa phương và Ủy ban Nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo với Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Cơ quan tài chính nhà nước phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư căn cứ vào thực trạng về nhà, công trình xây dựng khác của các cơ quan hành chính sự nghiệp; căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng nhà, công trình xây dựng của từng cơ quan để thẩm định nhu cầu cần đầu tư xây dựng để quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định danh mục dự án và vốn đầu tư xây dựng ghi vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước.

4. Sau khi được phép xây dựng, chủ dự án có trách nhiệm tổ chức thực hiện và quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về xây dựng cơ bản.

Điều 11.- Mua sắm phương tiện vận tải và trang thiết bị làm việc cho các cơ quan hành chính sự nghiệp được thực hiện như sau:

1. Hàng năm, đơn vị thụ hưởng ngân sách nhà nước căn cứ vào thực trạng phương tiện, trang thiết bị hiện có; căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức

sử dụng xe ô-tô do Thủ tướng Chính phủ quy định và tiêu chuẩn, định mức sử dụng của từng loại tài sản khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định để xác định nhu cầu mua sắm phương tiện vận tải và trang thiết bị làm việc, lập dự toán báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để:

a) Bộ, cơ quan, tổ chức ở Trung ương tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính;

b) Sở, Ban, cơ quan ở địa phương và Ủy ban Nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo Sở Tài chính - Vật giá.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm phương tiện vận tải và trang thiết bị làm việc quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính thẩm định đưa vào dự toán chi ngân sách trung ương hàng năm về mua sắm phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc cho các cơ quan hành chính sự nghiệp thuộc Trung ương trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định đưa vào dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm về mua sắm phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc cho các cơ quan hành chính sự nghiệp thuộc địa phương và trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Sau khi dự toán chi về mua sắm phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc được cơ quan có thẩm quyền duyệt thì:

a) Cơ quan tài chính nhà nước tổ chức cấp phát kinh phí mua sắm cho từng cơ quan hành chính sự nghiệp theo dự toán ngân sách được duyệt;

b) Cơ quan hành chính sự nghiệp có trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích và thực hiện mua sắm tài sản theo đúng quy định của Bộ Tài chính, thực hiện chế độ đăng ký, báo cáo tài sản theo quy định tại Điều 9 Nghị định này;

c) Kết thúc năm ngân sách, cơ quan hành chính sự nghiệp phải quyết toán đầy đủ, kịp thời kinh phí mua sắm tài sản theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 12.- Việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản khu vực hành chính sự nghiệp được thực hiện như sau:

1. Mọi tài sản nhà nước trong cơ quan hành chính sự nghiệp đều phải được bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng chế độ, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo quản, sử dụng tài sản theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và dự toán ngân sách được duyệt.

2. Hàng năm, đơn vị thụ hưởng ngân sách nhà nước căn cứ vào thực trạng tài sản và chế độ, tiêu chuẩn kỹ thuật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, lập dự toán chi về bảo dưỡng, sửa chữa tài sản báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để:

a) Bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính thẩm định, xem xét đưa vào dự toán ngân sách trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Sở, Ban, cơ quan ở địa phương và Ủy ban Nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo Sở Tài chính - Vật giá thẩm định, xem xét đưa vào dự toán ngân sách trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Sau khi dự toán chi về bảo dưỡng, sửa chữa tài sản được duyệt, các cơ quan hành chính sự nghiệp phải sử dụng kinh phí theo đúng mục đích và có hiệu quả, kết thúc năm ngân sách phải quyết toán số kinh phí được cấp và báo cáo kết quả bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cho cơ quan tài chính nhà nước trực tiếp cấp kinh phí.

Điều 13.- Việc điều chuyển tài sản nhà nước khu vực hành chính sự nghiệp được thực hiện theo quy định sau:

1. Tài sản nhà nước do cơ quan hành chính sự nghiệp đang quản lý, sử dụng chỉ được điều chuyển cho cơ quan hành chính sự nghiệp hoặc cơ quan, tổ chức khác khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp đặc biệt có lệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động tài sản để khắc phục thiên tai, địch họa.

2. Thẩm quyền điều chuyển tài sản nhà nước được quy định như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tài sản nhà nước là đất đai và nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất đai giữa các

Bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương với nhau, giữa các cơ quan hành chính sự nghiệp trung ương với các tổ chức khác theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan liên quan.

Trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tài sản là nhà, đất đai, công trình xây dựng khác gắn liền với đất đai và các tài sản quan trọng khác giữa cơ quan hành chính sự nghiệp trung ương với cơ quan hành chính sự nghiệp địa phương theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan liên quan ở Trung ương và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh;

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển các loại tài sản nhà nước còn lại giữa các Bộ, cơ quan, tổ chức ở Trung ương với nhau, giữa cơ quan hành chính sự nghiệp trung ương với các tổ chức khác theo đề nghị của Bộ, cơ quan liên quan.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản nhà nước còn lại giữa các cơ quan hành chính sự nghiệp trung ương với cơ quan hành chính sự nghiệp địa phương theo đề nghị của Bộ, cơ quan liên quan ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh;

c) Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các đơn vị hành chính sự nghiệp thụ hưởng ngân sách thuộc nội bộ ngành trực tiếp quản lý, đồng thời báo cáo Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định này;

d) Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan hành chính sự nghiệp của địa phương theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển, tiếp nhận.

3. Mọi tài sản nhà nước khi điều chuyển từ cơ quan này sang cơ quan khác phải được kiểm kê, xác định giá trị còn lại, ghi tăng, giảm tài sản và giá trị tài sản, đăng ký lại tài sản đối với tài sản phải đăng ký.

4. Bộ Tài chính quy định điều kiện, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan hành chính sự nghiệp.

Điều 14.- Thu hồi tài sản nhà nước khu vực hành chính sự nghiệp:

1. Tài sản nhà nước bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Đơn vị được giao trực tiếp sử dụng tài sản nhà nước không còn nhu cầu sử dụng hoặc giảm nhu cầu sử dụng do sáp nhập, hợp nhất, thay đổi chức năng, nhiệm vụ và các nguyên nhân khác;

b) Tài sản nhà nước thừa so với tiêu chuẩn, định mức được phép sử dụng.

2. Thẩm quyền thu hồi tài sản nhà nước:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định thu hồi đất đai, nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất đai; Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định thu hồi các tài sản còn lại do các Bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất đai, nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất đai và phương tiện vận tải; Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá quyết định thu hồi các tài sản còn lại do địa phương quản lý

3. Cơ quan hành chính sự nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước bị thu hồi phải thực hiện chuyển giao đầy đủ tài sản nhà nước theo đúng quyết định thu hồi.

4. Cơ quan tài chính nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý tài sản thu hồi và lập phương án sử dụng tài sản đó để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chuyển tài sản nhà nước theo quy định tại Điều 13 của Nghị định này quyết định.

Điều 15.- Xử lý tài sản nhà nước không cần dùng, không còn sử dụng được:

1. Tài sản không cần dùng, không còn sử dụng được tại các cơ quan hành chính sự nghiệp phải được xử lý, thanh lý kịp thời theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

2. Toàn bộ tiền thanh lý tài sản nhà nước sau khi trừ đi các chi phí bảo quản và thanh lý tài sản phải nộp vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

Điều 16.- Tài sản nhà nước giao cho các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trực tiếp quản lý sử dụng, được điều chuyển, thu hồi hoặc xử lý theo quy định tại các Điều 13, 14 và 15 của Nghị định này. Riêng đối với trụ sở làm

việc của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được Nhà nước cho thuê.

Mục II. QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC THUỘC KẾT CẤU HẠ TẦNG PHỤC VỤ LỢI ÍCH CÔNG CỘNG, LỢI ÍCH QUỐC GIA

Điều 17.-

1. Tổ chức được giao quản lý, khai thác, sử dụng tài sản nhà nước thuộc kết cấu hạ tầng có trách nhiệm đăng ký tài sản nhà nước thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia với cơ quan tài chính nhà nước, mở sổ sách theo dõi về hiện vật và giá trị, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính nhà nước.

2. Nội dung và thủ tục đăng ký tài sản nhà nước, trình tự báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

Điều 18.- Việc đầu tư xây dựng mới tài sản nhà nước thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước được thực hiện như sau:

1. Căn cứ vào định hướng phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia, hàng năm và dài hạn của Bộ, cơ quan nhà nước, các tổ chức ở Trung ương và địa phương; Bộ, cơ quan, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước.

2. Sau khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng, cơ quan trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản phải thực hiện đăng ký tài sản, mở sổ sách theo dõi cả về giá trị và hiện vật, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 17 của Nghị định này.

Điều 19.- Việc bảo dưỡng, sửa chữa, tôn tạo tài sản nhà nước thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia được thực hiện như sau:

1. Căn cứ vào chế độ quy định về sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa, tôn tạo và thực trạng của tài sản, hàng năm tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác, sử dụng tài sản nhà nước lập dự toán chi về bảo dưỡng, sửa chữa, tôn tạo tài sản báo cáo cơ quan chủ quản xem xét, tổng hợp gửi cơ quan tài chính nhà nước cùng cấp.

2. Cơ quan tài chính nhà nước phối hợp với các ngành có liên quan, căn cứ vào kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, tôn tạo của các đơn vị và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước để thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và ghi vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Căn cứ vào dự toán được duyệt, cơ quan tài chính nhà nước tổ chức cấp phát, theo dõi, quản lý, kiểm tra sử dụng vốn, tham gia nghiệm thu, quyết toán khi công trình hoàn thành.

4. Cơ quan trực tiếp quản lý, khai thác tài sản có trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích theo dự toán đã được duyệt.

Mục III. QUẢN LÝ MỘT SỐ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 20.- Việc xử lý tài sản vô chủ, tài sản bị chôn giấu, chìm đắm được tìm thấy, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên được xác lập sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật dân sự; tài sản bị tịch thu sung quỹ nhà nước được quy định như sau:

1. Đối với tài sản có quyết định bán sung quỹ nhà nước, cơ quan tài chính nhà nước làm thủ tục tiếp nhận tài sản và tổ chức bán đấu giá theo quy định của pháp luật.

2. Đối với những tài sản là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng thì cơ quan ra quyết định tịch thu hoặc cơ quan thi hành án đối với tài sản có quyết định tịch thu của tòa án hoặc cơ quan đang trực tiếp quản lý phải tiến hành lập biên bản và tổ chức bán ngay theo quy định của pháp luật.

3. Đối với tài sản có quyết định chuyển giao cho các tổ chức quản lý, sử dụng thì cơ quan tài chính nhà nước cùng với cơ quan hiện đang bảo quản tài sản đó xác định giá trị tài sản để ghi thu, ghi chi ngân sách, ghi tăng tài sản và làm thủ tục chuyển giao tài sản cho cơ quan, đơn vị tiếp nhận quản lý, sử dụng.

4. Đối với tài sản là cổ vật, di tích lịch sử, tổ chức tiếp nhận tài sản phải thông báo cho cơ quan tài chính nhà nước để cơ quan tài chính nhà nước tổ chức xác định giá trị tài sản, làm thủ tục bàn giao và thực hiện ghi tăng tài sản nhà nước

cho cơ quan nhà nước được quản lý, sử dụng tài sản.

5. Đối với tài sản là bất động sản thì tổ chức, cá nhân đang trực tiếp quản lý làm thủ tục bàn giao cho cơ quan tài chính nhà nước; cơ quan tài chính nhà nước chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan lập phương án sử dụng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với bất động sản do cơ quan trung ương quản lý, trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với bất động sản do cơ quan địa phương quản lý và tổ chức thực hiện các phương án đã được Thủ tướng Chính phủ hoặc Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định.

Trường hợp bất động sản đang được cơ quan tài chính nhà nước quản lý bao gồm cả tài sản thu hồi theo quy định tại Điều 14 và Điều 34 của Nghị định này mà chưa có quyết định sử dụng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cơ quan tài chính nhà nước có thể cho thuê bất động sản để tận thu cho ngân sách và bù đắp chi phí bảo quản. Khi có quyết định của cơ quan nhà nước về việc sử dụng bất động sản này, thì cơ quan tài chính nhà nước phải có trách nhiệm thu hồi tài sản cho thuê và thực hiện theo quyết định đó.

Điều 21.- Toàn bộ tiền thu được từ bán tài sản được xác lập sở hữu nhà nước phải nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến công việc: tìm kiếm, xác minh, khai quật, trục vớt hoặc điều tra, bắt giữ, vận chuyển, giao nhận, bảo quản, chi thưởng, tổ chức bán đấu giá và tiền chi trả cho người được hưởng một phần của giá trị tài sản theo quy định của pháp luật và các khoản chi khác có liên quan.

Điều 22.- Tổ chức, cơ quan nhà nước được các tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài hiến, tặng, để lại, thừa kế, đóng góp hoặc chuyển giao tài sản dưới các hình thức khác có trách nhiệm thông báo cho cơ quan tài chính nhà nước cùng cấp và có trách nhiệm quản lý, sử dụng các tài sản này theo đúng quy định của Nhà nước.

Cơ quan tài chính nhà nước có trách nhiệm tổ chức việc định giá tài sản để ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước; đồng thời ghi tăng tài sản cho đơn vị sử dụng tài sản.

Điều 23.- Tài sản viện trợ không hoàn lại được quản lý như sau:

1. Cơ quan, đơn vị nhận tài sản viện trợ phải báo cáo cơ quan tài chính nhà nước để ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước; đồng thời ghi tăng hàng hóa, vật tư tài sản nhà nước cho đơn vị để quản lý và sử dụng theo đúng quy định của Nhà nước. Riêng tài sản viện trợ dưới hình thức hiện vật phải định giá trước khi ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước.

2. Tài sản viện trợ cho dự án hoặc phục vụ cho hoạt động của Ban quản lý dự án được xác lập là tài sản nhà nước, sau khi dự án kết thúc thì Ban quản lý dự án phải báo cáo cơ quan tài chính nhà nước để xác định số lượng, giá trị tài sản và thực hiện chuyển giao cho cơ quan sử dụng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đơn vị tiếp nhận tài sản phải thực hiện quản lý và sử dụng tài sản theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Mục IV. QUẢN LÝ TÀI SẢN DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC

Điều 24.- Tổ chức được Chính phủ giao quản lý tài sản dự trữ nhà nước phải kiểm tra, đánh giá lại chất lượng, số lượng tài sản hiện có, xác định mức dự trữ nhà nước, theo định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Cục Dự trữ quốc gia để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đồng gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 25.- Cục Dự trữ quốc gia có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu hàng hóa, vật tư dự trữ, thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để lập kế hoạch dự trữ hàng hóa, vật tư trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Bộ Tài chính thẩm định nhu cầu bổ sung vốn cho dự trữ hàng hóa, vật tư để ghi vào dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 26.- Bộ Tài chính phối hợp với Cục Dự trữ quốc gia và các Bộ, ngành liên quan thực hiện:

1. Kiểm tra hàng hóa, vật tư dự trữ bị hư hỏng, giảm phẩm chất, hao hụt hoặc dôi thừa trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xử lý.

2. Kiểm tra quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp bao gồm: vốn mua hàng hóa, vật tư dự trữ; vốn bù đắp hao hụt tự nhiên trong quá

trình dự trữ và kinh phí bảo quản hàng hóa, vật tư dự trữ.

Mục V. QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN KHÁC

Điều 27.- Đối với đất đai, tài nguyên thiên nhiên khác, cơ quan chuyên ngành quản lý đất đai, tài nguyên thiên nhiên phải báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất về quỹ đất, trữ lượng tài nguyên thiên nhiên, số liệu, thông tin về kết quả điều tra, khảo sát, thăm dò tài nguyên thiên nhiên cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Bộ Tài chính.

Điều 28.- Việc quản lý kinh phí về điều tra, quy hoạch, đo đạc và lập bản đồ địa chính; điều tra, khảo sát, thăm dò tài nguyên thiên nhiên (trừ dầu khí) được quy định như sau:

1. Căn cứ vào khối lượng công tác điều tra, quy hoạch, đo đạc lập bản đồ địa chính; điều tra, khảo sát, thăm dò tài nguyên khoáng sản; điều tra bảo vệ tài nguyên rừng, nguồn lợi thủy sản (dưới đây gọi chung là công tác điều tra cơ bản và bảo vệ tài nguyên) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan được giao nhiệm vụ điều tra cơ bản và bảo vệ tài nguyên lập dự toán báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và gửi cơ quan tài chính nhà nước, cơ quan kế hoạch và đầu tư thẩm tra để ghi vào dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước đã được phê duyệt, cơ quan tài chính nhà nước tổ chức cấp phát kinh phí, kiểm tra việc sử dụng, kiểm tra quyết toán kinh phí theo chế độ quản lý tài chính hiện hành.

Điều 29.-

1. Cơ quan tài chính nhà nước trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phương án xác định nguồn thu và các khoản chi trước khi quyết định thu hồi đất, giao đất hoặc cho thuê đất.

2. Cơ quan tài chính nhà nước chủ trì phối hợp với các ngành liên quan xác định giá đất trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để: đền bù thiệt hại về đất khi thu hồi, thu tiền sử dụng đất khi giao đất có thu tiền sử dụng đất, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, xác định giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn liên doanh, xác định giá trị tài sản khi giao đất, xác định tiền thuê đất.

3. Việc khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên được thực hiện theo phương thức đấu thầu hoặc hợp đồng khai thác. Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành quản lý chuyên ngành định giá đấu thầu, giá hợp đồng khai thác, quy định thể thức đấu thầu cho từng trường hợp cụ thể, xây dựng chế độ quản lý tài chính đối với các hoạt động điều tra, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng tài liệu, thông tin của Nhà nước về kết quả điều tra, khảo sát, thăm dò tài nguyên thiên nhiên nhằm mục đích khai thác mỏ hoặc thăm dò tiếp để khai thác mỏ phải trả tiền theo quy định của pháp luật.

Chương III

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN VỀ QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Điều 30.- Chính phủ thống nhất quản lý tài sản nhà nước.

Điều 31.- Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính:

1. Lập phương án và trình Chính phủ quyết định phương hướng phát triển và sử dụng tài sản nhà nước trong khu vực hành chính sự nghiệp.

2. Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành trong việc xây dựng chế độ quản lý, tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản trong khu vực hành chính sự nghiệp.

3. Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành trong việc xây dựng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi và quản lý chi tiêu nhằm quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài sản nhà nước.

4. Tổ chức quản lý, kiểm tra việc sử dụng tài sản nhà nước trong các Bộ, ngành, địa phương, đơn vị được giao trực tiếp quản lý sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 32.- Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan, tổ chức ở Trung ương có quản lý và sử dụng tài sản nhà nước:

1. Lập kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản nhà nước thuộc cơ quan, đơn vị mình quản lý, sử dụng.

2. Tổ chức quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc Bộ, ngành quản lý, sử dụng đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức được Nhà nước quy định.

3. Kiểm tra việc thực hiện quản lý và sử dụng tài sản nhà nước của các đơn vị thuộc Bộ, cơ quan phụ trách.

4. Thực hiện đúng chế độ hạch toán, đăng ký và báo cáo về tài sản nhà nước theo quy định của Nghị định này.

Điều 33.- Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh:

1. Tổ chức quản lý và sử dụng tài sản nhà nước theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định.

2. Kiểm tra việc quản lý và sử dụng tài sản nhà nước của tất cả các ngành, các cấp do địa phương quản lý.

3. Quyết định việc đầu tư xây dựng, mua sắm, điều chuyển và thu hồi tài sản nhà nước ở địa phương theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật.

4. Quyết định các biện pháp nhằm tăng cường quản lý tài sản nhà nước.

5. Chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện đúng chế độ hạch toán, đăng ký và báo cáo về tài sản nhà nước theo quy định của Nghị định này.

6. Căn cứ vào thực tế của địa phương phân cấp quản lý tài sản nhà nước cho các ngành, các cấp thuộc cấp tỉnh quản lý.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 34.- Việc xử lý những vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được quy định như sau:

1. Tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước mà không đăng ký tài sản và báo cáo tài sản theo quy định tại Nghị định này sẽ bị:

a) Buộc phải đăng ký và báo cáo tài sản theo yêu cầu của cơ quan tài chính nhà nước;

b) Thu hồi tài sản, nếu sau khi kiểm tra mà phát hiện số tài sản này vượt định mức, tiêu chuẩn sử dụng, hoặc sử dụng kém hiệu quả.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng tài sản nhà nước không đúng tiêu chuẩn hoặc vượt định mức sẽ bị thu hồi.

3. Tổ chức đang sử dụng tài sản nhà nước khi có quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không thực hiện bàn giao đúng thời hạn sẽ bị xử lý như sau:

a) Bị cưỡng chế bàn giao theo yêu cầu của cơ quan tài chính nhà nước;

b) Chuyển toàn bộ tài sản này sang hình thức cho thuê, đơn vị phải tự chi trả tiền thuê tài sản nhà nước.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng tài sản không đúng mục đích:

a) Bị thu hồi toàn bộ thu nhập do việc sử dụng sai mục đích tài sản nhà nước mà có;

b) Trường hợp bị xử lý mà vẫn sử dụng tài sản sai mục đích thì sẽ bị thu hồi tài sản.

5. Thẩm quyền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này được quy định như sau:

a) Cơ quan có thẩm quyền thu hồi tài sản hoặc chuyển tài sản sang cho thuê là cơ quan có thẩm quyền thu hồi tài sản theo quy định tại Khoản 2, Điều 14 của Nghị định này.

b) Việc thu hồi thu nhập do việc sử dụng tài sản sai mục đích thuộc thẩm quyền của cơ quan tài chính nhà nước.

Điều 35.- Tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp quản lý sử dụng tài sản nhà nước vi phạm quản lý sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, bồi thường thiệt hại cho Nhà nước hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 36.- Tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước nếu thấy không đúng thì có quyền khiếu nại với cơ quan ra quyết định xử lý. Cơ quan bị khiếu nại phải giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo của công dân và phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật nếu gây thiệt hại.

Điều 37.- Người có công phát hiện các hành vi xâm phạm hoặc làm lãng phí tài sản nhà nước được khen thưởng theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 38.- Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Những quy định trước đây về quản lý tài sản nhà nước trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết, tổ chức thực hiện Nghị định này.

Điều 39.- Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 49/1998/QĐ-TTg ngày 28-2-1998 về một số chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Trả công bằng tiền theo ngày đối với các vận động viên không hưởng lương trong thời gian tập trung tập luyện và thi đấu, căn cứ vào cấp đội tuyển tham dự cuộc thi đấu như sau:

1. Đối với vận động viên cấp quốc gia: 25.000 đồng/ngày;

2. Đối với vận động viên đội tuyển trẻ, năng khiếu cấp quốc gia, đội tuyển cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ, ngành Trung ương: 20.000 đồng/ngày;

3. Đối với vận động viên đội tuyển trẻ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ, ngành Trung ương: 10.000 đồng/ngày;

4. Đối với vận động viên đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ, ngành Trung ương: 7.000 đồng/ngày.

Điều 2.- Đối với những vận động viên trong đội tuyển cấp quốc gia, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ, ngành Trung ương không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều lệ Bảo hiểm xã hội do Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 12-CP ngày 26-1-1995 thì trong thời gian tập trung tập luyện, thi đấu nếu bị ốm đau, tai nạn hoặc chết được giải quyết trợ cấp như sau:

1. Được hưởng trợ cấp ốm đau bằng 75% mức tiền công trong những ngày nghỉ ốm đau (hoặc thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa dân số);

2. Nếu bị tai nạn thì được hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bao gồm tiền sơ cứu, cấp cứu, tiền trợ cấp bằng 100% mức tiền công trong thời gian điều trị tại cơ sở y tế.

Sau khi thương tật ổn định được giới thiệu đi giám định khả năng lao động, nếu bị suy giảm khả năng lao động thì được hưởng trợ cấp thương tật một lần như sau:

Suy giảm từ 5% đến 30% khả năng lao động được hưởng 12 tháng tiền lương tối thiểu áp dụng đối với công chức, viên chức hành chính do Nhà nước quy định; nếu suy giảm từ 31% khả năng lao động trở lên được cộng thêm 1/2 (nửa) tháng tiền lương tối thiểu cho mỗi % tăng thêm.